**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG MUA SẮM HÀNG HOÁ

Số:………

*- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*

*- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 qua ngày 14/6/2005;*

*- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Các Bên.*

Hôm nay, ngày…..….……, tại……………………, Chúng tôi gồm:

**BÊN A:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã số thuế | : |  |
| Địa chỉ trụ sở chính | : |  |
| Số tài khoản | : |  |
| Tại ngân hàng | : |  |
| Chủ tài khoản | : |  |
| Điện thoại | : |  |
| Email | : |  |
| Người đại diện | : |  |
| Chức danh | : |  |

**BÊN B:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã số thuế | : |  |
| Địa chỉ trụ sở chính | : |  |
| Số tài khoản | : |  |
| Tại ngân hàng | : |  |
| Chủ tài khoản | : |  |
| Điện thoại | : |  |
| Email | : |  |
| Người đại diện | : |  |
| Chức danh | : |  |

Bất kỳ điều khoản nào trong văn bản này đề cập đến “**Các Bên**” hoặc “**Hai Bên**” đều chỉ đến các Bên nêu trên.

Sau khi tiến hành thảo luận liên quan đến các sản phẩm nói trên, Các Bên đã thống nhất cùng lập và ký Hợp đồng mua sắm hàng hoá số ….. ngày ……..(sau đây gọi tắt là “**Hợp đồng**”) này trên tinh thần thiện chí hợp tác. Theo đó, Bên B sẽ bán các sản phẩm cho Bên A, theo các điều khoản và yêu cầu mà hai Bên đã thống nhất sau đây:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong phạm vi của Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu và giải thích như sau:

* 1. “***Sản phẩm***” có nghĩa là sản phẩm [TÊN SẢN PHẨM] do Bên B sản xuất/phân phối, được quy định chi tiết tại Điều 2 của Hợp đồng này và Phụ lục số [⚫] của Hợp đồng.
  2. “***Sản phẩm không phù hợp với Hợp đồng***” có nghĩa là Sản phẩm có bất kỳ khiếm khuyết thuộc một trong các trường hợp sau đây:
     1. Sản phẩm không đáp ứng hoặc có sai lệch với bất kỳ mô tả, điều kiện và yêu cầu nào theo quy định của Hợp đồng, các phụ lục của Hợp đồng và quy định của pháp luật.
     2. Không phù hợp với mục đích sử dụng thông thường của các Sản phẩm cùng loại hoặc bất kỳ mục đích nào mà Bên A đã cho Bên B biết hoặc Bên B phải biết vào thời điểm giao kết Hợp đồng.
     3. Không bảo đảm chất lượng như chất lượng của mẫu Sản phẩm mà bên B đã giao và/hoặc giới thiệu cho Bên A.
     4. Không được bảo quản, đóng gói theo cách thức thông thường đối với loại hàng hoá đó và/hoặc theo quy cách đã thoả thuận giữa Hai Bên.
  3. “***Ngày làm việc***” có nghĩa là các ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu trong tuần, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
  4. “***Đơn giá***” có nghĩa là giá trị bằng đồng Việt Nam (VND) của 01 đơn vị Sản phẩm hoàn chỉnh hoặc từng bộ phận, module, cấu phần của Sản phẩm đó.
  5. “***Khắc phục***” có nghĩa là việc Bên B thực hiện mọi biện pháp được Hợp đồng và pháp luật cho phép nhằm chấm dứt tình trạng Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng.
  6. “***Thời hạn khắc phục***” có nghĩa là thời hạn để Bên B hoàn thành việc khắc phục theo yêu cầu của Bên A. Thời hạn khắc phục là [⚫] (…..) ngày kể từ thời điểm Bên B nhận được yêu cầu của Bên A, nhưng không được vượt quá [⚫] (…..) ngày kể từ ngày kết thúc lần giao hàng thứ [⚫] được nêu tại điểm 4.1.1.b khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng này.
  7. “***Vi phạm***”hay “***vi phạm Hợp đồng***” là hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc, không đầy đủ bất kỳ thoả thuận, cam kết, nghĩa vụ phát sinh theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.
  8. **“*Bên vi phạm*”** là Bên vi phạm bất kỳ thoả thuận, cam kết, nghĩa vụ của Bên đó phát sinh theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.
  9. “***Bên bị vi phạm***” là Bên chịu ảnh hưởng trực tiếp do hành vi vi phạm của Bên vi phạm.
  10. “***Sự kiện bất khả kháng***” là những sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh (dù có tuyên bố hay không), đình công, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại, thay đổi chủ trương, chính sách và pháp luật và/hoặc sự chậm trễ của các cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 2. SẢN PHẨM VÀ CHẤT LƯỢNG CỦA SẢN PHẨM

* 1. Bên B cung ứng, đồng thời chuyển giao, lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng [TÊN SẢN PHẨM] với thông tin, đặc điểm, hình mẫu sản phẩm, quy cách và số lượng được quy định cụ thể sau đây:

- Tên, mã số, chủng loại sản phẩm

- Các đặc điểm của sản phẩm, bao gồm:

+ Cấu trúc, thiết kế, module cấu thành

+ Thông số kỹ thuật

+ Xuất xứ

+ Tình trạng sản phẩm

+ Tiêu chuẩn chất lượng áp dụng

+ Hình mẫu sản phẩm (nếu có)

+ Đơn giá kèm theo

- Quy cách

- Số lượng sản phẩm

* 1. Trong mọi trường hợp, Bên B phải đảm bảo rằng Sản phẩm do Bên B sản xuất/phân phối phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:
     1. Sản phẩm do Bên B cung cấp là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, còn nguyên tem mác của nhà sản xuất và phải đáp ứng đúng tất cả các mô tả về Sản phẩm được quy định tại Điều 2 và Phụ lục số [⚫] của Hợp đồng.
     2. Bên B đảm bảo tính đồng bộ và tích hợp của Sản phẩm.
     3. Sản phẩm không có/chứa bất kỳ yếu tố nào gây nguy hại cho quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
     4. Sản phẩm đáp ứng đầy đủ yêu cầu và điều kiện khác về chất lượng Sản phẩm theo quy định tại Phụ lục số [⚫] của Hợp đồng này.
     5. Sản phẩm có đầy đủ giấy phép, chứng nhận cần thiết theo quy định của pháp luật để được lưu hành, mua bán và sử dụng hợp pháp tại Việt Nam.

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

* 1. Giá trị Hợp đồng
     1. Đơn giá Sản phẩm: [⚫]VND/Sản phẩm ((*Bằng chữ: [vui lòng ghi rõ thông tin] đồng Việt Nam* *mỗi Sản phẩm*)
     2. Tổng giá trị Hợp đồng: [⚫]VND (*Bằng chữ: [vui lòng ghi rõ thông tin] đồng Việt Nam*).
     3. Đơn giá và tổng giá trị Hợp đồng này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật Việt Nam.
     4. Đơn giá và tổng giá trị Hợp đồng được quy định tại khoản này là cố định, trọng gói và không thay đổi trong mọi trường hợp, trừ trường hợp Hai Bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
  2. Tạm ứng, thanh toán
     1. Tiến độ và thời hạn tạm ứng, thanh toán:

Bên A tạm ứng, thanh toán tổng giá trị Hợp đồng cho Bên B theo các đợt tạm ứng, thanh toán sau đây:

a. Đợt 1: Bên A tạm ứng [⚫] % giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền [⚫] VND (Bằng chữ: [⚫] đồng Việt Nam) trong thời hạn [⚫] (……) ngày làm việc kể từ ngày Bên B đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

* ……………….
* ……………….
* Bên B gửi cho Bên A bộ chứng từ tạm ứng hợp lệ tương ứng với lần giao hàng theo quy định tại điểm 3.2.3 khoản này.

b. Đợt 2: Bên A thanh toán [⚫] % giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền [⚫] VND (Bằng chữ: [⚫] đồng Việt Nam) trong thời hạn [⚫] (……) ngày làm việc kể từ ngày Bên B đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

* ……………….
* ……………….
* Bên B gửi cho Bên A bộ chứng từ thanh toán hợp lệ tương ứng với lần giao hàng theo quy định tại điểm 3.2.3 khoản này.
  + 1. Bên A có quyền khấu trừ giá trị của Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng vào giá trị tạm ứng, thanh toán được nêu tại điểm 3.2.1 khoản này.

Phần giá trị của Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong thời hạn [⚫] (……) ngày làm việc kể từ ngày Bên B đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a. Bên B đã hoàn thành việc khắc phục theo quy định tại điểm 4.2.3 khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng này.

b. Bên B đã gửi cho Bên A bộ chứng từ thanh toán hợp lệ tương ứng với lần khắc phục giao hàng theo quy định tại điểm 3.2.3 khoản này.

* + 1. Bộ chứng từ tạm ứng/thanh toán hợp lệ bao gồm:

a. Giấy đề nghị tạm ứng/thanh toán.

b. Bảng kê chi tiết Sản phẩm được giao, bao gồm: thông tin, số lượng, quy cách đóng gói của Sản phẩm và các thông tin khác.

c. Biên bản kiểm tra Sản phẩm và Biên bản giao nhận Sản phẩm có xác nhận hợp lệ của Hai Bên.

d. Hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ theo quy định của pháp luật.

f. Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

* + 1. Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thực hiện việc thanh toán cho Bên B qua hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt hoặc hình thức khác theo yêu cầu của Bên B.
    2. Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (VND).

ĐIỀU 4. GIAO NHẬN VÀ KIỂM TRA SẢN PHẨM

* 1. Giao và nhận Sản phẩm
     1. Tiến độ và thời hạn giao Sản phẩm: Bên B có trách nhiệm giao hoặc thuê đơn vị vận chuyển để giao toàn bộ Sản phẩm kèm theo các hồ sơ, chứng từ có liên quan cho Bên A theo các lần giao hàng sau đây:

a. Lần 1: Giao [⚫] % khối lượng Sản phẩm | Giao [⚫] Sản phẩm trong thời hạn [⚫] (…..) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này | kể từ ngày tạm ứng Đợt 1 | từ ngày.../…/… đến ngày…/…/… | trước ngày…/…/…

b. Lần 2: Giao [⚫] % khối lượng Sản phẩm | Giao [⚫] Sản phẩm trong thời hạn [⚫] (…..) ngày kể từ ngày ……………….. | từ ngày.../…/… đến ngày…/…/… | trước ngày…/…/…

* + 1. Địa điểm nhận Sản phẩm: kho hàng/bãi tập kết đặt tại Trụ sở của Bên A hoặc một địa điểm khác do Bên A chỉ định.
    2. Bên B phải thông báo cho Bên A trước [⚫] (…..) giờ/ngày kể từ thời điểm Bên B bắt đầu giao Sản phẩm và trước [⚫] (…..) giờ/ngày kể từ thời điểm Sản phẩm dự kiến đến địa điểm nhận Sản phẩm. Việc thông báo phải tiến hành bằng văn bản hoặc email, gọi điện thoại, tin nhắn SMS, Zalo, Viber hoặc các phương thức tương tự và phải đảm bảo Bên A có thể tiếp nhận kịp thời thông tin.

Bên A có quyền từ chối nhận Sản phẩm trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ thông báo theo quy định tại điểm này.

* + 1. Bên A chỉ nhận Sản phẩm đã được kiểm tra theo quy định tại khoản 4.2 Điều này và không thuộc trường hợp giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng. Việc giao nhận Sản phẩm phải được lập thành biên bản giao nhận Sản phẩm, có xác nhận hợp lệ của Hai Bên và bên có liên quan (nếu có).
    2. Bên B có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí vận chuyển, kho bãi, bảo quản và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến Sản phẩm phát sinh trước thời điểm chuyển giao quyền sở hữu và rủi ro liên quan đến Sản phẩm theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.
  1. Kiểm tra Sản phẩm
     1. Bên A và/hoặc bên thứ ba do Bên A chỉ định có quyền kiểm tra Sản phẩm trước khi nhận.
     2. Việc kiểm tra Sản phẩm phải được lập thành Biên bản kiểm tra Sản phẩm, có xác nhận hợp lệ của Hai Bên và bên có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra Sản phẩm phải ghi nhận kết quả kiểm tra và là căn cứ thực tế để Bên A tạm ứng, thanh toán cho Bên B.
     3. Trách nhiệm của Bên B trong trường hợp Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng:

a. Trường hợp Bên A phát hiện Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B khắc phục bằng cách đổi, giao bổ sung Sản phẩm khác cho Bên A.

b. Bên A và/hoặc bên thứ ba do Bên A chỉ định tiến hành kiểm tra theo quy định của Hợp đồng đối với các Sản phẩm do Bên B khắc phục và ghi nhận kết quả vào biên bản kiểm tra Sản phẩm. Bên B có nghĩa vụ khắc phục hoàn toàn, triệt để tình trạng Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A trong suốt Thời hạn khắc phục.

c. Bên B phải hoàn thành việc khắc phục trong Thời hạn khắc phục.

d. Trường hợp quá Thời hạn khắc phục mà Bên B vẫn chưa hoàn thành việc khắc phục thì được xem là vi phạm Hợp đồng và bị xử lý theo quy định tại Hợp đồng này.

e. Bên B chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc khắc phục.

ĐIỀU 5. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

5.1. Toàn bộ quyền sở hữu và rủi ro liên quan đến Sản phẩm (trừ các Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng) được chuyển từ Bên B sang Bên A tại thời điểm Bên A nhận các Sản phẩm đó từ Bên B.

5.2. Bên A có quyền khiếu nại Bên B về các khiếm khuyết liên quan đến Sản phẩm. Trong thời hạn khiếu nại sau đây, Bên B phải chịu trách nhiệm khắc phục, bảo hành, bồi thường thiệt hại đối với bất kỳ khiếm khuyết nào của Sản phẩm đã tồn tại từ trước thời điểm chuyển rủi ro, kể cả trường hợp khiếm khuyết đó được phát hiện sau thời điểm chuyển rủi ro:

a. 03 (ba) tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại của Bên A về số lượng Sản phẩm.

b. 03 (ba) tháng, kể từ ngày hết thời hạn bảo hành đối với khiếu nại của Bên A về chất lượng Sản phẩm.

c. 09 (chín) tháng kể từ ngày hết thời hạn bảo hành đối với khiếu nại của Bên A về các vi phạm khác.

5.3. Bên B phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của Sản phẩm phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro nếu khiếm khuyết đó do bên B gây ra.

ĐIỀU 6. BẢO HÀNH SẢN PHẨM

* 1. Bên B có trách nhiệm bảo hành đối với với toàn bộ Sản phẩm đã bán cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
  2. Thời hạn bảo hành Sản phẩm được tính từ thời điểm Bên A nhận Sản phẩm đó và không bị ảnh hưởng bởi hiệu lực của Hợp đồng.
  3. Thời hạn bảo hành của từng chủng loại Sản phẩm được quy định chi tiết tại Phụ lục số [⚫] của Hợp đồng này.
  4. Trong thời hạn bảo hành, nếu Bên A phát hiện được bất kỳ khiếm khuyết không phải do Bên A gây ra hoặc do hao mòn thông thường thì có quyền yêu cầu Bên B bảo hành. Căn cứ vào tình trạng khiếm khuyết của Sản phẩm và chính sách bảo hành được quy định tại Phụ lục số [⚫] của Hợp đồng này, Bên B bảo hành Sản phẩm cho Bên A theo các phương thức sau đây:
     1. Sửa chữa không tính phí tại địa điểm do Bên A chỉ định hoặc tại địa điểm sửa chữa của Bên B trong thời hạn [⚫] (…..) ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Bên A.
     2. Đổi Sản phẩm cùng loại khác không bị khiếm khuyết cho Bên A trong thời hạn thời hạn [⚫] (…..) ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Bên A.
     3. Bên B nhận lại Sản phẩm có khiếm khuyết và trả lại cho Bên A số tiền tương đương với giá trị của Sản phẩm có khiếm khuyết trong thời hạn [⚫] (…..) ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Bên A.
  5. Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm 6.4.1 khoản 6.4 Điều này mà Bên B không thể sửa chữa được hoặc không thể hoàn thành việc sửa chữa Sản phẩm cho Bên A, thì Bên B phải áp dụng các phương thức bảo hành còn lại theo yêu cầu của Bên A.
  6. Bên B chịu mọi chi phí liên quan đến bảo hành Sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: chi phí sửa chữa; chi phí vận chuyển từ địa điểm của Bên A đến địa điểm sửa chữa và ngược lại; chi phí kho bãi; chi phí đi lại của nhân viên kỹ thuật...
  7. Bên B có nghĩa vụ tiếp tục bảo hành đối với các Sản phẩm đã được sửa chữa hoặc thay thế theo thời hạn bảo hành còn lại của Sản phẩm bị khiếm khuyết. Khoảng thời gian kể từ khi Bên B nhận được yêu cầu bảo hành đến khi Bên A nhận được Sản phẩm đã được sửa chữa hoặc đổi không được tính vào thời hạn bảo hành của Sản phẩm đó.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

* 1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A
     1. Được Bên B giao đầy đủ Sản phẩm kèm theo các giấy tờ, chứng từ có liên quan theo quy định của Hợp đồng.
     2. Được Bên B thông báo ngay lập tức về tất cả các sự cố phát sinh làm ảnh hưởng đến tiến độ giao Sản phẩm hoặc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A để Các Bên thoả thuận phương án giải quyết.
     3. Yêu cầu Bên B khắc phục tình trạng Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng trong Thời hạn khắc phục.
     4. Yêu cầu Bên B bảo hành đối với toàn bộ Sản phẩm theo thời hạn đã cam kết.
     5. Tạm ứng, thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.
     6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.
  2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B
     1. Được nhận đầy đủ và đúng hạn các khoản tạm ứng, thanh toán từ Bên A khi đáp ứng đúng và đầy đủ các điều kiện theo quy định của Hợp đồng.
     2. Được Bên A thông báo về tình trạng Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng để khắc phục.
     3. Giao đầy đủ Sản phẩm cùng các giấy tờ, chứng từ có liên quan cho Bên A theo quy định của Hợp đồng.
     4. Thông báo cho Bên A ngay lập tức về tất cả các sự cố phát sinh làm ảnh hưởng đến tiến độ giao Sản phẩm hoặc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A để Các Bên thoả thuận phương án giải quyết.
     5. Khắc phục tình trạng Sản phẩm bị giao sai, giao thiếu và/hoặc không phù hợp với Hợp đồng trong Thời hạn khắc phục.
     6. Bảo hành toàn bộ Sản phẩm theo thời hạn đã cam kết.
     7. Phát hành hoá đơn hợp pháp theo quy định của pháp luật cho Bên A đối với Sản phẩm do Bên B cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này. Bên B đảm bảo tính hợp pháp và tự chịu trách nhiệm về các hóa đơn, chứng từ, văn bản cung cấp cho Bên A.
     8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

* 1. Trừ trường hợp được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này, khi xảy ra vi phạm, Bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh cũng như các chi phí có liên quan khác cho Bên bị vi phạm.
  2. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho Bên bị vi phạm theo phương thức chuyển khoản, tiền mặt hoặc các phương thức hợp pháp khác theo yêu cầu của Bên bị vi phạm. Thời hạn thanh toán là [⚫] (…..) ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Bên bị vi phạm.
  3. Ngoài trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Bên vi phạm có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm nhằm tránh, hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra cho Bên bị vi phạm. Bên vi phạm chi trả mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ này.

ĐIỀU 9. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

* 1. Trường hợp một Bên phát sinh vi phạm do xảy ra sự kiện bất khả kháng thì Bên vi phạm đó không phải chịu trách nhiệm dân sự khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:
     1. Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vi phạm.
     2. Bên bị ảnh hưởng sự kiện do bất khả kháng đã thực hiện mọi biện pháp hợp lý để khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng.
     3. Bên vi phạm phải thông báo cho Bên bị vi phạm trong thời hạn [⚫] (…..) giờ/ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện bất khả kháng.
  2. Trừ trường hợp Các Bên có thoả thuận bằng văn bản hoặc theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này, sự kiện bất khả kháng không dẫn đến chấm dứt Hợp đồng. Các Bên phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng này khi sự kiện bất khả kháng không còn tồn tại.
  3. Các quyền, nghĩa vụ và cam kết không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ được Các Bên tiếp tục thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ HẬU QUẢ

* 1. Hợp đồng này bị chấm dứt khi xảy ra một hoặc một số trường hợp sau đây:
     1. Hợp đồng bị chấm dứt theo thoả thuận bằng văn bản của Các Bên.
     2. Hợp đồng bị chấm dứt do một Bên vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng.
     3. Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 của Hợp đồng này.
     4. Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định khác của pháp luật.
  2. Xử lý hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng:
     1. Tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng, Các Bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng. Bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu Bên còn lại thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ đối ứng chưa thực hiện.
     2. Bên nào đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái pháp luật thì bị xem là vi phạm Hợp Đồng và bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 8 của Hợp Đồng này.
     3. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng do hành vi vi phạm nghiêm trọng của một Bên, Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho Bên bị vi phạm theo quy định tại Điều 8 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

* 1. Các Bên sẽ nỗ lực giải quyết tranh chấp phát sinh từ bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Hợp đồng này bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng hoặc hòa giải trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho Bên còn lại về việc giải quyết tranh chấp, một Bên bất kỳ có thể đưa Tranh chấp ra tòa án Việt Nam để giải quyết.
  2. Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
  3. Các phụ lục, biên bản, văn bản thỏa thuận hoặc bất kỳ hình thức văn bản phái sinh nào liên quan đến Hợp đồng này đều là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng và có giá trị pháp lý ràng buộc các Bên liên quan. Trong trường hợp có sự xung đột giữa Hợp đồng và các văn bản phái sinh thì ưu tiên áp dụng quy định của Hợp đồng.
  4. Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị vô hiệu đều không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của các điều khoản còn lại. Các Bên cùng thoả thuận để sửa đổi điều khoản bị vô hiệu phù hợp với quy định của pháp luật.
  5. Bất kỳ sửa đổi nào đối với Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được ký hợp lệ bởi Các Bên.
  6. Các Bên cam kết rằng các thông tin trong Hợp đồng là đúng sự thật, đồng thời, việc giao kết Hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối và không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.
  7. Việc một Bên không thực hiện bất kỳ quyền lợi nào của mình theo Hợp đồng này không được hiểu là sự từ bỏ đối với quyền đó, trừ khi được bên có quyền thông báo cho các bên còn lại một cách rõ ràng bằng văn bản.
  8. Hợp đồng được lập thành [⚫](…..) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; mỗi bên giữ [⚫](…..) bản để cùng thực hiện.

*Các Bên đã tự mình đọc lại toàn bộ nội dung của Hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và tự nguyện ký tên vào văn kiện*/.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** | **BÊN B** |